

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1051/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VỤ PHÁP CHẾ THUỘC TỔNG CỤC HẢI QUAN

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 36/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định tiêu chí thành lập Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức, nhiệm vụ và hoạt động của Hải quan các cấp;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Vụ Pháp chế là đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan có chức năng tham mưu, giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật về hải quan và tổ chức thực hiện công tác pháp chế của Tổng cục Hải quan theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

a) Chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm về xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực hải quan;

b) Văn bản quy phạm pháp luật về hải quan theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

c) Ý kiến tham gia về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các đơn vị thuộc Bộ Tài chính hoặc các cơ quan có liên quan gửi lấy ý kiến theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

2. Về xây dựng và thẩm định văn bản:

a) Trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chương trình, kế hoạch hàng năm về xây dựng các văn bản hướng dẫn nội bộ thuộc thẩm quyền của Tổng cục Hải quan;

b) Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo các quy chế, quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực hải quan theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

c) Thẩm định các quy chế, quy trình nghiệp vụ thuộc thẩm quyền ban hành của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; thẩm định pháp lý đối với các văn bản quy phạm pháp luật do các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan xây dựng trước khi trình các cấp có thẩm quyền ký ban hành;

d) Tham gia ý kiến về các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn, văn bản xử lý nghiệp vụ.

3. Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch về kiểm soát thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện kiểm soát quy định về thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan kiểm soát việc thực hiện các quy định về thủ tục hành chính lĩnh vực hải quan;

d) Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính;

e) Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn việc tổ chức rà soát, đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính lĩnh vực hải quan.

4. Về đánh giá thi hành và kiểm tra thực hiện văn bản:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch đánh giá thi hành văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực hải quan;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện đánh giá, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hải quan; kiểm tra các quy chế, quy trình nghiệp vụ và các văn bản do Tổng cục Hải quan ban hành;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị thực hiện tổng kết thực tiễn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan.

5. Về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan rà soát văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động hải quan; đề xuất phương án xử lý kết quả rà soát văn bản;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan hệ thống hóa văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực hải quan; lập danh mục văn bản còn hiệu lực, hết hiệu lực thi hành liên quan đến lĩnh vực hải quan.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện công tác pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hải quan và thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật do Tổng cục Hải quan chủ trì soạn thảo.

7. Về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp:

a) Xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị của Tổng cục Hải quan tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về hải quan; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

c) Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành hải quan tổ chức các hoạt động phổ biến, hỗ trợ, cung cấp thông tin về pháp luật hải quan, pháp luật thuế cho người khai hải quan, người nộp thuế.

8. Công tác xử lý, tố tụng hành chính:

a) Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính; tổng kết công tác xử lý vi phạm hành chính; kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính về hải quan theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

b) Trình cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan và quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính thuộc thẩm quyền của Tổng cục Hải quan và theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

c) Xây dựng quy trình, quy chế về xử lý vi phạm hành chính và tham gia tố tụng hành chính tại tòa án của cơ quan hải quan;

d) Hướng dẫn, hỗ trợ các Cục Hải quan, Chi cục Hải quan trong việc tham gia tố tụng hành chính tại tòa án;

đ) Trực tiếp tham gia tố tụng hành chính tại tòa án theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

9. Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện quản lý nhà nước về công tác trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực hải quan theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực nghiệp vụ theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

11. Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực được phân công theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

13. Đánh giá, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý công chức và tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

Vụ Pháp chế làm việc theo chế độ chuyên viên. Biên chế của Vụ Pháp chế do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định trong tổng số biên chế được giao.

Điều 4. Lãnh đạo Vụ

1. Vụ Pháp chế có Vụ trưởng và một số Phó Vụ trưởng theo quy định.

Vụ trưởng Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Vụ; Phó Vụ trưởng chịu trách nhiệm trước Vụ trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và các chức danh lãnh đạo khác của Vụ Pháp chế thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Điều 1 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Vụ và Văn phòng thuộc Tổng cục Hải quan ban hành kèm Quyết định số 1018/QĐ-BTC ngày 11/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 2054/QĐ-BTC ngày 12/8/2010 sửa đổi, bổ sung Quyết định 1018/QĐ-BTC ngày 11/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ;
- Như Điều 5;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.(100b)

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

